

Hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ nhà nước :
Luận văn ThS / Trần Thanh Tùng ; Nghd. : PGS.
Vương Đình Quyền . - H. : ĐHKHXHNV, 2003 . -
111 tr.

1. Mục đích, ý nghĩa nghiên cứu đề tài

Tài liệu lưu trữ là ký ức văn hoá có giá trị nhiều mặt của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Đó là di sản phản ánh một cách trực tiếp, chân thực, chính xác những thành tựu trong quá trình đấu tranh, lao động sáng tạo cả về vật chất và tinh thần của nhân loại qua các thời kỳ lịch sử.

Nhận thức được vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của tài liệu lưu trữ, mỗi quốc gia đều có những chủ trương biện pháp khác nhau nhằm tổ chức quản lý tốt nhất đối với những di sản văn hoá đặc biệt này. Một trong những biện pháp mang tính quyết định đó là xây dựng một hệ thống tổ chức lưu trữ hoàn chỉnh, hoạt động có hiệu quả từ TW đến địa phương. Ở Việt Nam vấn đề tổ chức, thiết lập các cơ quan quản lý tài liệu lưu trữ đã sớm được quan tâm.

Dưới triều Nguyễn, chính quyền Trung ương đã thiết lập cơ quan chuyên trách lưu trữ tài liệu của Nội các như Bản Chương sở, xây dựng các kho lưu trữ mang tính chất cố định như Tàng Thư lâu, kho Lưu trữ Thư viện Nội các, Tụ khuê.v.vv...Dưới thời thuộc Pháp, với việc thành lập Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, các kho lưu trữ có tính chất quốc gia và vùng lãnh thổ, đã đưa công tác lưu trữ Việt Nam bước sang một trang mới, chấm dứt tình trạng tự phát, bước sang thời kỳ quản lý tập trung.

Nhờ bước đầu thiết lập được một số cơ quan lưu trữ như vậy, mà chính quyền trung ương triều Nguyễn đã để lại cho hậu thế một khối lượng tài liệu quý giá bao gồm hàng trăm tập châu bản, hàng nghìn tấm mộc bản .v.v...và

cũng nhờ có sự quản lý của Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương, cùng với các kho lưu trữ, mà chính quyền thuộc Pháp đã giữ lại được một khối lượng tài liệu lớn có giá trị về lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá ở Đông Dương nói chung và Việt Nam thời kỳ cận đại nói riêng. Nhưng do những hạn chế về lịch sử, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, tổ chức lưu trữ Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử đó vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế.

Từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước đã từng bước được xây dựng và kiện toàn. Ngày 8/9/1945, Chính phủ Lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 21/SL bổ nhiệm Ngô Đình Nhu làm Giám đốc Nha Lưu trữ Công văn và Thư viện toàn quốc; ngày 3/1/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Thông đạt số 01/VP “*cấm không được tự tiện huỷ bỏ hay bán các công văn hồ sơ cũ*” và khẳng định những công văn hồ sơ cũ đó là những tài liệu “*có giá trị đặc biệt về phương diện kiến thiết quốc gia*” [33;257]. Nhưng do trong nhiều thập kỷ, toàn Đảng, toàn dân phải dốc sức vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giành độc lập dân tộc, nên đến năm 1962 cơ quan quản lý về lưu trữ mới chính thức được thành lập (Cục Lưu trữ trực thuộc Phủ Thủ tướng được thành lập bởi Nghị định số 102/CP ngày 04/9/1962 của Hội đồng Chính phủ) để quản lý tập trung thống nhất việc lưu trữ hồ sơ của Nhà nước. Tiếp đó ngày 28.9.1963 Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 142 — CP ban hành Điều lệ về Công tác Công văn giấy tờ và Công tác Lưu trữ. Theo đó, hệ thống tổ chức lưu trữ đã từng bước được xây dựng.

Đến nay, sau hơn bốn mươi năm xây dựng và phát triển, bên cạnh những thành tựu nổi bật đã đạt được như: đã hình thành một hệ thống tổ chức lưu trữ từ TW đến cấp tỉnh, bao gồm cơ quan quản lý ngành, các kho, Trung tâm lưu trữ, các cơ quan đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy

nhiên, hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước cũng đã bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt khi nền kinh tế chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Cụ thể như, hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước chưa hoàn chỉnh và chưa có sự ổn định cao, chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chưa được quy định đầy đủ và hợp lý, có sự chồng chéo v.v.. Thực trạng của hệ thống tổ chức lưu trữ như vậy, đã làm cho tài liệu lưu trữ ở nhiều cơ quan không được tập trung quản lý, hoặc quản lý thiếu khoa học, tình trạng tài liệu bó gói, tích đọng phổ biến ở mọi cấp, mọi ngành, hiệu quả phục vụ xã hội của công tác lưu trữ chưa cao. Chính vì vậy, hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ trong điều kiện mới luôn là nhiệm vụ quan trọng của ngành và là yêu cầu có tính tất yếu để đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước đối với tài liệu lưu trữ và công tác lưu trữ hiện nay. Mặt khác, đến nay Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước vẫn chưa xây dựng được quy hoạch hoàn chỉnh về phát triển ngành trong tương lai. Đứng trước thực tế đó, chúng tôi đã chọn đề tài: **□HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TỔ CHỨC LƯU TRỮ CỦA NHÀ NƯỚC**” làm luận văn cao học của mình, mong góp tiếng nói nhỏ bé vào công tác xây dựng tổ chức của ngành, dầu biết rằng đây là vấn đề không chút đơn giản .

2. Mục tiêu của đề tài

Với đề tài này, chúng tôi mong muốn giải quyết được hai mục tiêu cơ bản sau:

Một là, đưa ra bức tranh khái quát về hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước. Qua đó, thấy được tính tất yếu và nhu cầu khách quan phải hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, trên cơ sở thực trạng của hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước đề xuất những kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện chúng để công tác lưu trữ của Nhà nước phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước.

3. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Hệ thống tổ chức lưu trữ, là một mạng lưới các cơ quan, tổ chức lưu trữ từ trung ương đến địa phương. Trong đó bao gồm, cơ quan quản lý ngành, các Trung tâm lưu trữ Quốc gia, lưu trữ chuyên ngành, lưu trữ các tỉnh, huyện, xã phường, các tổ chức lưu trữ cơ quan từ TW đến địa phương. Ngoài ra, còn có cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lưu trữ. Những cơ quan, tổ chức này muốn hoạt động có hiệu quả, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thực tiễn và sự phát triển của ngành ở hiện tại và trong tương lai thì phải được tổ chức một cách khoa học, có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ hợp lý, được xây dựng trên cơ sở những căn cứ khoa học, những nguyên tắc và yêu cầu quản lý chặt chẽ.

Hiện nay ở nước ta, có hai hệ thống tổ chức lưu trữ hoạt động độc lập. Đó là hệ thống tổ chức lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống tổ chức lưu trữ của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, theo tinh thần của Pháp lệnh Lưu trữ Quốc gia số 34/2001/PL — UBTVQH ngày 04-4-2001 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội được công bố theo Lệnh số 03/2001/L/CTN ngày 15/4/2001 của Chủ tịch nước (dưới đây được gọi tắt là Pháp lệnh Lưu trữ năm 2001), hệ thống tổ chức lưu trữ Việt Nam sẽ theo mô hình tổ chức lưu trữ thống nhất. Cụ thể, tại điều 26 của Pháp lệnh quy định: *“cơ quan lưu trữ TW có chức năng tham mưu cho Đảng, chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ”*[33;269]. Điều này có nghĩa là, lưu trữ Đảng và lưu trữ Nhà nước đặt dưới sự quản lý chung của một cơ quan. Đây là mô hình tổ chức có khả năng đáp ứng yêu cầu tập trung quản lý thống nhất công tác lưu trữ và đảm bảo việc tinh giản đầu mối tổ chức quản lý của các ngành theo yêu cầu của cải cách nền hành chính Quốc gia. Thế nhưng, vì những lý do chủ quản và khách

quan, nên theo chúng tôi trong thời gian tới mô hình tổ chức này chưa thể thực thi. Tổ chức lưu trữ Việt Nam vẫn tồn tại hai hệ thống độc lập là lưu trữ Đảng và lưu trữ Nhà nước.

Ở đề tài này, chúng tôi chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu trong vấn đề hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước CHXHCN Việt Nam chứ không đề cập đến hệ thống tổ chức lưu trữ Đảng. Sở dĩ như vậy là vì:

Do đặc điểm về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Đảng, nên tổ chức lưu trữ Đảng nhìn chung đơn giản, tương đối ổn định, hoạt động có hiệu quả từ TW đến địa phương. Ngược lại, do hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước đa dạng và với quy mô lớn, tài liệu hình thành có thành phần nội dung đa dạng, phức tạp, chiếm khối lượng lớn trong Phong Lưu trữ quốc gia, nên nhiệm vụ quản lý công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ của các cơ quan lưu trữ Nhà nước rất phức tạp và nặng nề, đòi hỏi lưu trữ Nhà nước phải xây dựng một hệ thống tổ chức tương ứng thì mới có thể bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ quốc gia và phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước vẫn được coi là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết của ngành. Đó cũng là cơ sở để trong tương lai, hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước sẽ là nòng cốt trong mạng lưới tổ chức lưu trữ thống nhất ở Việt Nam.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước được thể hiện trên các mặt về chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ của từng cơ quan, đơn vị, bao gồm:

- Cơ quan quản lý ngành là Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước
- Các Trung tâm lưu trữ Quốc gia
- Lưu trữ của các cơ quan Nhà nước từ TW đến địa phương: từ tổ chức lưu trữ của các Bộ ngành TW đến tổ chức lưu trữ của các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, lưu trữ của quận, huyện, xã, phường thị trấn

- Các cơ quan nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ về lưu trữ

Hiện nay, cơ quan quản lý ngành lưu trữ được giao thêm chức năng quản lý Nhà nước về công tác văn thư. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là, hệ thống tổ chức lưu trữ nhà nước đồng thời cũng là hệ thống tổ chức văn thư lưu trữ Nhà nước. Vì trên thực tế, công tác văn thư tại các cơ quan TW và địa phương vẫn là hai công tác độc lập, có tổ chức riêng. Ở các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, công tác văn thư do Phòng Hành chính phụ trách, công tác lưu trữ do Phòng Lưu trữ phụ trách. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc TW, công tác văn thư do Văn phòng UBND phụ trách, công tác lưu trữ do Trung tâm Lưu trữ tỉnh phụ trách. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, chúng tôi chỉ nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước mà không đề cập đến hoàn thiện tổ chức quản lý công tác văn thư. Vì theo chúng tôi, việc quy định thẩm quyền quản lý nhà nước về công tác văn thư ở các cơ quan TW và địa phương như hiện nay là hợp lý.

4. Nhiệm vụ của đề tài

Một là, tìm hiểu toàn diện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước trên các mặt từ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức. Qua đó, chỉ rõ tính tất yếu và các nguyên tắc, yêu cầu để hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước ở Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng quản lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan lưu trữ từ TW đến địa phương.

Hai là, đề ra được những kiến nghị hợp lý dựa trên những căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn quản lý công tác lưu trữ ở Việt Nam nhằm hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước, giúp cơ quan quản lý xây dựng chiến lược phát triển ngành lưu trữ theo kế hoạch dài hơi hơn.

5. Các phương pháp nghiên cứu:

Để nghiên cứu đề tài này, chúng tôi đã dựa trên cơ sở phương pháp luận của lưu trữ học, đó là nguyên tắc tính đảng, nguyên tắc lịch sử, nguyên tắc toàn diện tổng hợp. Đồng thời trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi có sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp lịch sử, phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phân tích mô tả, điều tra khảo sát để tổng hợp, xử lý các nguồn tư liệu đã thu thập được. Cụ thể như, đối với phương pháp lịch sử, phương pháp hệ thống, chúng tôi vận dụng khi nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của mạng lưới tổ chức lưu trữ Việt Nam. Phương pháp điều tra, khảo sát được chúng tôi vận dụng khi cần thu thập những thông tin từ thực tế. Với phương pháp này, các số liệu, nhận xét được đưa ra trong luận văn có tính thực tiễn cao hơn. Cũng bằng phương pháp trên, chúng tôi đã thu thập được nhiều thông tin cần thiết mà không thể thấy trong các nguồn tư liệu

6. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu vấn đề tổ chức lưu trữ không phải là hướng đề tài nghiên cứu mới. Tuy nhiên, đây cũng không phải là hướng đề tài được nhiều nhà khoa học và nhà quản lý ngành lưu trữ quan tâm. Cụ thể từ năm 1962 đến nay, vấn đề tổ chức lưu trữ Việt nam mới chỉ có một đề tài cấp ngành được nghiên cứu đó là “*Lý luận và thực tiễn tổ chức mạng lưới các kho lưu trữ ở Việt Nam*”. Đề tài được thực hiện bởi một nhóm các tác giả và do PGS. Vương Đình Quyền làm chủ nhiệm, được thực hiện vào năm 1990. Đề tài là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao đối với việc xây dựng mạng lưới các kho lưu trữ ở Việt Nam. Đề tài đã tập trung lý giải những căn cứ, cơ sở khoa học để tổ chức thiết lập mạng lưới các kho từ TW đến địa phương. Tuy nhiên, đề tài mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu mạng lưới các kho lưu trữ chứ chưa nghiên cứu một cách toàn

diện cơ sở lý luận nhằm tổ chức thiết lập và hoàn thiện mạng lưới tổ chức lưu trữ từ trung ương đến địa phương bao gồm hệ thống các cơ quan quản lý, các đơn vị sự nghiệp. Bên cạnh đề tài nghiên cứu trên, vấn đề tổ chức lưu trữ cũng được đề cập từng phần trong các công trình nghiên cứu khác. Ví dụ trong đề tài “*Cơ sở khoa học để tổ chức quản lý nhà nước về công tác lưu trữ*” do TS Dương Văn Khảm (chủ nhiệm), được thực hiện năm 2001. Trong đề tài này, tổ chức lưu trữ đã được tiếp cận theo hướng xây dựng các biện pháp nhằm tổ chức quản lý công tác lưu trữ chứ không nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ.

Ngoài ra, vấn đề tổ chức lưu trữ cũng được một vài tác giả quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những bài viết đơn lẻ được đăng trên tạp chí Lưu trữ Việt Nam. Ví dụ như bài viết của tác giả Hà Quảng “Bàn về tổ chức lưu trữ cấp tỉnh”, Hà Huê: “Nên tổ chức lưu trữ cấp tỉnh như thế nào cho hợp lý” (Tạp chí Lưu trữ Việt nam số 3 năm 1994 và số 4 năm 1995).

Song song với những đề tài nghiên cứu cấp ngành, những bài viết được đăng trên các tạp chí chuyên ngành, một số sinh viên chuyên ngành Lưu trữ lịch sử Khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Hà nội nay là Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Trường Đại học KHXH & NV cũng đã bước đầu quan tâm nghiên cứu về vấn đề này. Cụ thể như luận văn tốt nghiệp của Nguyễn Văn Nghiệp: “Một vài ý kiến về tổ chức hệ thống các Trung tâm lưu trữ TW nước CHXHCNVN”, luận văn của Nguyễn Thị Lan Anh “*Một vài ý kiến bước đầu về tổ chức lưu trữ chuyên ngành ở nước ta hiện nay*”. Báo cáo tốt nghiệp của Nguyễn Thị Chinh “*Mạng lưới các kho, trung tâm lưu trữ Nhà nước qua chặng đường 40 năm hình thành và phát triển (1962 – 2002)*”. Các đề tài này, đã bước đầu nghiên cứu những cơ sở khoa học và tình hình thực tế về xây dựng hệ thống tổ chức lưu trữ qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong tổ chức và hoạt động của ngành. Tuy

nhien, những đề tài này vẫn mang tính chất tản mạn chưa nghiên cứu thành hệ thống và cách tiếp cận chủ đề cũng có sự khác biệt. Nếu như luận văn của Nguyễn Văn Nghiệp và Nguyễn Thị Lan Anh mang tính lý luận, và những thông tin trong đề tài đã lạc hậu, thì luận văn của Nguyễn Thị Chinh có tính mới mẻ hơn, nhưng đây là đề tài được triển khai theo hướng tổng kết lịch sử chứ chưa đặt vấn đề nghiên cứu xây dựng hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn quản lý.

7. Các nguồn tư liệu được sử dụng

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi dựa vào các nguồn tài liệu chủ yếu sau:

- Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ (do Bộ môn Lưu trữ Lịch sử — Trường Đại học Tổng hợp biên soạn năm 1990)

- Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về công tác công văn giấy tờ và công tác lưu trữ từ năm 1945 đến nay. Đây là nguồn tư liệu rất quan trọng. Bởi vì, nó cung cấp cho chúng tôi những thông tin về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong xây dựng, tổ chức công tác lưu trữ nói chung và mạng lưới các cơ quan quản lý, sự nghiệp của ngành nói riêng. Cụ thể như:

- + Nghị định số 142/CP ngày 28 — 9 — 1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về công tác công văn, giấy tờ và công tác lưu trữ

- + Pháp lệnh Bảo vệ tài liệu lưu trữ Quốc gia năm 1982

- + Thông tư số 40/1998/TT — TCCP ngày 24.01.1998 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ hướng dẫn tổ chức lưu trữ ở các cơ quan nhà nước các cấp

- + Pháp lệnh Lưu trữ Quốc gia năm 2001

- + Quyết định số 177/2003/ QĐ - TTg ngày 1.9.2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

+ Các báo cáo công tác của các cơ quan, đơn vị trong ngành lưu trữ. Đây là nguồn tư liệu cung cấp cho chúng tôi những căn cứ thực tiễn, xác định khối lượng công việc ở từng cơ quan đơn vị làm cơ sở xây dựng định biên, thiết lập tổ chức.

- Các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết liên quan được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành.

- Cuối cùng là một số luận văn tốt nghiệp của sinh viên khoa Sử và Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng.

8. Đóng góp của luận văn

Đề tài nếu được triển khai và thực hiện tốt, sẽ có những đóng góp nhất định:

Thứ nhất, về thực tiễn quản lý, đề tài cho chúng ta thấy toàn cảnh thực trạng cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức lưu trữ Nhà nước. Qua đó, thấy được tính tất yếu khách quan phải tiến hành cải cách, hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu của đề tài cả về mặt lý luận và thực tiễn có thể giúp các cơ quan có thẩm quyền tham khảo để tiến hành hoàn thiện mạng lưới tổ chức lưu trữ Nhà nước.

Đó là những đóng góp, lợi ích trước mắt. Về lâu dài với đề tài này, sẽ là cơ sở, tạo tiền đề và điều kiện thuận lợi cho việc hợp nhất hai hệ thống tổ chức. Vì khi chúng ta có hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước khoa học, hợp lý thì khi hợp nhất hai hệ thống tổ chức sẽ không gây xáo trộn gì lớn.

9. Bố cục của luận văn:

Ngoài phần mở đầu nêu rõ mục đích, ý nghĩa nghiên cứu của đề tài. Phần nội dung chính của đề tài được chia thành 3 chương

Chương 1: Tổng quan về hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước trong giai đoạn hiện nay

Đây là chương mang tính dẫn luận cho phần nội dung chính ở các chương sau. Qua chương này, bức tranh tổng quan về hệ thống tổ chức lưu trữ Việt Nam được phác hoạ một cách chi tiết, cụ thể và đầy đủ. Qua đó, chúng ta có căn cứ để đánh giá thực trạng, nhận thấy tính cấp thiết cần phải hoàn thiện mạng lưới tổ chức nếu muốn ngành phát triển và hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn quản lý

Chương 2: Tính tất yếu của việc hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước và các nguyên tắc, yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện đó.

Đây là một trong hai chương chính của luận văn, tại chương này, chúng tôi trình bày tính cấp thiết phải hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ, trên cơ sở đánh giá, phân tích những nguyên nhân khách quan và chủ quan xuất phát từ thực tiễn tổ chức của hệ thống lưu trữ Nhà nước. Qua đó, chúng tôi mạnh dạn đưa ra những nguyên tắc, yêu cầu trong hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ. Đây được coi là những cơ sở lý luận đảm bảo yêu cầu quản lý công tác lưu trữ và tài liệu lưu trữ trong hoàn cảnh mới.

Chương 3: Hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ Nhà nước

Tổng kết thực tiễn từ chương 1 và chương 2, trong chương này chúng tôi đề xuất các phương án hoàn thiện hệ thống tổ chức lưu trữ nhà nước từ việc xây dựng mô hình tổ chức cơ quan quản lý lưu trữ ở TW và địa phương đến những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, của từng cơ quan, đơn vị tổ chức.

Phần cuối cùng của luận văn là phần kết luận. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra những nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn về tổ chức lưu trữ nhà nước ở Việt nam.

Trong quá trình thực hiện luận văn, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khai thác tư liệu. Đặc biệt là các tài liệu, tư liệu liên quan đến tổ chức lưu trữ chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao. Bởi lẽ, đây là những tài liệu thuộc danh mục tài liệu mật của các

cơ quan. Ngoài ra do phạm vi nghiên cứu rộng đã không cho phép chúng tôi có điều kiện thời gian và vật chất để khảo sát trực tiếp toàn bộ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đội ngũ cán bộ của tất cả các cơ quan. Bên cạnh những khó khăn khách quan, về mặt chủ quan do trình độ bản thân tác giả còn nhiều hạn chế, vì vậy, mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do đây là một đề tài khó và phức tạp nên không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những góp ý của các nhà nghiên cứu, bạn bè và những người quan tâm để luận văn đạt chất lượng tốt hơn.

Nhân đây tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến nhà giáo ưu tú, PGS Vương Đình Quyền, các cán bộ, công chức của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, các Trung tâm lưu trữ Quốc gia, lưu trữ một số bộ, ngành TW.v.v.....đã hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành bản luận văn này.

Hà nội, ngày 24 tháng 12 năm 2003

Tác giả

Trần Thanh Tùng

